

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới
Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
CHXIICN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Bách Thảo	Chủ tịch
Ông Diệp Vĩnh Xuân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Thủy	Thành viên
Bà Lê Thị Lài	Thành viên
Bà Phùng Hoàng Trâm Anh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lưu Bách Thảo	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Lài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Giàu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Lê Đức Thịnh
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 9 năm 2011

Số: 84/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt An

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Việt An và công ty con (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét kèm theo bao gồm số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho mục đích so sánh. Chúng tôi không tiến hành soát xét các số liệu so sánh nêu trên theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 16 tháng 9 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới
 Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
 CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
 đến ngày ngày 30 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.298.850.670.307	1.039.797.013.043
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.563.851.203	28.617.705.616
1. Tiền	111		14.563.851.203	12.904.145.616
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	15.713.560.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.820.000.000	2.820.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.160.000.000	11.160.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(8.340.000.000)	(8.340.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		833.457.858.554	671.808.425.558
1. Phải thu khách hàng	131		684.022.699.400	556.241.104.768
2. Trả trước cho người bán	132		87.772.767.450	84.045.545.804
3. Các khoản phải thu khác	135		67.815.971.363	37.675.354.645
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.153.579.659)	(6.153.579.659)
IV. Hàng tồn kho	140	7	394.426.568.112	323.743.181.701
1. Hàng tồn kho	141		394.426.568.112	323.743.181.701
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.582.392.438	12.807.700.168
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.757.651.741	5.442.573.935
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.992.729.408	2.539.915.247
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		24.832.011.289	4.825.210.986
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		479.226.623.402	480.754.599.021
I. Tài sản cố định	220		447.189.397.310	437.603.145.294
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	345.920.055.113	354.828.065.987
- Nguyên giá	222		406.629.538.491	399.587.418.003
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.709.483.378)	(44.759.352.016)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	14.097.735.276	16.473.992.408
- Nguyên giá	225		22.861.814.003	25.378.844.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.764.078.727)	(8.904.851.992)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	60.035.690.011	60.413.057.541
- Nguyên giá	228		62.556.483.577	62.556.483.577
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.520.793.566)	(2.143.426.036)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	27.135.916.910	5.888.029.358
II. Tài sản dài hạn khác	260		32.037.226.092	43.151.453.727
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.709.401.092	27.960.745.383
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14	-	673.383.344
3. Tài sản dài hạn khác	268		14.327.825.000	14.517.325.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.778.077.293.709	1.520.551.612.064

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.422.780.239.717	1.148.085.616.759
I. Nợ ngắn hạn	310		1.326.064.796.654	1.036.666.795.640
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.113.772.775.671	825.045.543.477
2. Phải trả người bán	312		145.307.173.457	139.899.659.400
3. Người mua trả tiền trước	313		2.259.036.093	860.483.880
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	15.349.056.769	14.415.008.732
5. Phải trả người lao động	315		10.548.279.351	15.377.992.219
6. Chi phí phải trả	316		288.652.000	2.449.295.661
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		34.780.740.479	38.618.812.271
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.047.734.834	-
II. Nợ dài hạn	330		96.715.443.063	111.418.821.119
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	96.137.481.139	110.927.539.044
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	246.982.939	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		330.978.985	491.282.075
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		349.812.898.960	356.801.203.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	349.812.898.960	356.801.203.362
1. Vốn điều lệ	411		225.000.000.000	225.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		75.000.000.000	75.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.429.033.470	381.298.636
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		45.383.865.490	56.419.904.726
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỎ	439	19	5.484.155.032	15.664.791.943
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.778.077.293.709	1.520.551.612.064



Trần Lê Đức Thịnh
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 16 tháng 9 năm 2011

Ngô Văn Thu
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới
 Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
 CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
1. Doanh thu gộp	01		784.485.990.620	631.958.740.730
2. Các khoản giảm trừ	02		(5.715.960.189)	(5.233.310.644)
3. Doanh thu thuần	10		778.770.030.431	626.725.430.086
4. Giá vốn hàng bán	11		(657.976.111.703)	(494.064.142.937)
5. Lợi nhuận gộp	20		120.793.918.728	132.661.287.149
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	34.306.966.292	33.429.313.414
7. Chi phí tài chính	22	21	(74.417.579.785)	(57.021.131.342)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(39.905.009.138)	(19.406.193.105)
8. Chi phí bán hàng	24		(57.406.583.126)	(44.145.514.261)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(11.965.879.419)	(10.661.018.053)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.310.842.690	54.262.936.907
11. Thu nhập khác	31		1.362.564.265	7.088.402.891
12. Chi phí khác	32		(201.979.303)	(7.058.822.876)
13. Lợi nhuận khác	40	22	1.160.584.962	29.580.015
14. Lợi nhuận trước thuế	50		12.471.427.652	54.292.516.922
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	(1.362.720.882)	(3.603.831.289)
16. Thuế thu nhập hoãn lại	52	14	(920.366.283)	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		10.188.340.487	50.688.685.633
Phân bổ cho:				
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			(10.180.636.911)	-
17.2. Cổ đông của Công ty			20.368.977.398	50.688.685.633
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	24	905	3.613



Trần Lê Đức Thịnh
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 9 năm 2011

Ngô Văn Thu
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 03-DN/HN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12,471,427,652	54.292.516.922
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.186.725.627	7.591.574.693
Các khoản dự phòng	03	552.000.000	(11.288.457.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.281.438.735)	(10.494.174.416)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.160.584.962)	(634.688.751)
Chi phí lãi vay	06	39.905.009.138	19.406.193.105
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	61.828.095.854	58.872.964.553
Tăng các khoản phải thu	09	(172.603.465.055)	(187.698.883.346)
Tăng hàng tồn kho	10	(71.939.566.519)	(43.910.735.047)
Giảm các khoản phải trả	11	(23,013,898,936)	(50.208.264.578)
Giảm chi phí trả trước	12	(2,503,244,474)	156.998.379
Tiền lãi vay đã trả	13	(39.905.009.138)	(19.406.193.105)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(303.200.616)	(244.503.984)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	113.062.462
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(19.817.300.303)	(1.783.682.381)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(263.964.546.321)	(244.109.237.047)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(10.147.455.966)	(17.355.548.465)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(80.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	55.820.000.000
4. Thu lãi tiền gửi	27	1.160.584.962	634.688.751
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.986.871.004)	39.019.140.286
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vốn góp của các cổ đông	31	-	105.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.832.330.926.710	1.221.420.304.491
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.555.444.721.752)	(1.172.216.337.000)
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(4.080.417.662)	(2.644.520.966)
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(13.879.271.670)	(6.000.003.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	258.926.515.626	145.559.442.833
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong kỳ	50	(14.024.901.699)	(59.530.653.928)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.617.705.616	72.074.382.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(28.952.714)	(167.635.200)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.563.851.203	12.376.093.139

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON
Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới
Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
đến ngày ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu B 03-DN/HN
Đơn vị: VNĐ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền 8.620.728.330 đồng thể hiện số cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2011. Theo đó, một khoản tiền tương ứng cũng được điều chỉnh vào tăng giảm các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 8.929.830.610 đồng là giá trị tài sản cố định mua sắm trong kỳ phát sinh ở công ty con nhưng chưa thanh toán. Theo đó, các khoản tiền tương ứng nêu trên cũng được điều chỉnh vào tài khoản phải trả.



Lê Đức Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 9 năm 2011

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới
Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần với thời gian hoạt động là 50 năm theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000060 ngày 27 tháng 1 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Việt An, một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5002000307 ngày 22 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2010 với mã chứng khoán là AVF.

Trụ sở của Công ty mẹ đặt tại Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến các sản phẩm thủy sản với sản phẩm chính là cá tra fi lê.

Công ty con

Công ty Cổ phần Anpha-AG (sau đây gọi tắt là “Anpha-AG”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100798779 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 22 tháng 1 năm 2010. Công ty con được chuyển đổi từ Công ty TNHH Anpha-AG được thành lập theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 50221000036 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Long an cấp ngày 7 tháng 12 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận đầu tư được điều chỉnh. Trụ sở và nhà máy của Công ty con đặt tại Lô E02, Đường số 2, Khu Công nghiệp Long Hậu, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An. Hoạt động chính của Công ty con là kinh doanh kho lạnh, mua bán thực phẩm và vận tải hàng hóa.

Quyền sở hữu của Công ty mẹ và vốn điều lệ của Công ty con được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 12 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 2.460 người (năm 2010: 2.486 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới
Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới
Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong năm năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới
Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

12-C
NH
TY
HUU HA
[TE
JAM
HOD
JCA

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới

Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011

đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Ngoại tệ**

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được phân phối cho các cổ đông sau khi đã được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên và sau khi trích lập quỹ dự trữ theo điều lệ của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	11.280.132.392	7.973.055.392
Tiền gửi ngân hàng	3.283.718.811	4.931.090.224
Các khoản tương đương tiền	-	15.713.560.000
	14.563.851.203	28.617.705.616

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn với thời gian đáo hạn là 3 tháng và lãi suất hàng năm được hưởng từ 11% đến 12%.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Chứng khoán niêm yết	11.160.000.000	11.160.000.000
	11.160.000.000	11.160.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.340.000.000)	(8.340.000.000)
	2.820.000.000	2.820.000.000

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	2.704.105.344	1.174.356.632
Công cụ, dụng cụ	36.890.097.686	24.790.923.776
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	90.850.591.609	54.747.397.832
Thành phẩm	257.902.906.750	232.804.729.038
Hàng hóa	732.196.723	732.196.723
Hàng gửi đi bán	5.346.670.000	9.493.577.700
	394.426.568.112	323.743.181.701

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 và 17, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	202.976.133.884	168.772.142.322	6.041.347.368	21.797.794.429	399.587.418.003
Tăng		303.278.000	157.721.182		460.999.182
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản đang dở dang	2.925.000.000	-	-	-	2.925.000.000
Kết chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	3.656.121.306	-	-	3.656.121.306
Tại ngày 30/6/2011	205.901.133.884	172.731.541.628	6.199.068.550	21.797.794.429	406.629.538.491
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	12.789.891.828	26.048.961.515	1.841.221.682	4.079.276.991	44.759.352.016
Khấu hao trong kỳ	4.259.269.344	8.757.759.156	279.218.443	1.106.394.841	14.402.641.784
Kết chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	1.547.489.578	-	-	1.547.489.578
Tại ngày 30/6/2011	17.049.161.172	36.354.210.249	2.120.440.125	5.185.671.832	60.709.483.378
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	191.586.978.173	133.642.325.918	4.078.628.425	16.612.122.597	345.920.055.113
Tại ngày 31/12/2010	190.186.242.056	142.723.180.807	4.200.125.686	17.718.517.438	354.828.065.987

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 và 17, Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	24.232.613.124	1.146.231.276	25.378.844.400
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản	1.139.090.909	-	1.139.090.909
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.656.121.306)	-	(3.656.121.306)
Tại ngày 30/6/2011	21.715.582.727	1.146.231.276	22.861.814.003
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	8.543.119.097	361.732.895	8.904.851.992
Khấu hao trong kỳ	1.311.197.045	95.519.268	1.406.716.313
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.547.489.578)	-	(1.547.489.578)
Tại ngày 30/6/2011	8.306.826.564	457.252.163	8.764.078.727
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	13.408.756.163	688.979.113	14.097.735.276
Tại ngày 31/12/2010	15.689.494.027	784.498.381	16.473.992.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011 và 30/6/2011	220.444.200	62.336.039.377	62.556.483.577
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	6.358.511	2.137.067.525	2.143.426.036
Khấu hao trong kỳ	23.051.084	354.316.446	377.367.530
Tại ngày 30/6/2011	29.409.595	2.491.383.971	2.520.793.566
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	191.034.605	59.844.655.406	60.035.690.011
Tại ngày 31/12/2010	214.085.689	60.198.971.852	60.413.057.541

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất làm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	5.888.029.358	206.251.153.653
Tăng	22.386.978.461	40.060.223.232
Kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình	-	(231.674.444.23)
Kết chuyển vào tài sản thuê tài chính	(1.139.090.909)	(6.474.362.636)
Giảm khác	-	(1.081.943.563)
Kết chuyển vào công cụ dụng cụ	-	(1.192.597.090)
Tại ngày 30 tháng 6/ ngày 31 tháng 12	27.135.916.910	5.888.029.358

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Anpha - AG	Long An	51	51	Kinh doanh kho lạnh

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Anpha - AG. ("Công ty con"), một công ty cổ phần ở tỉnh Long An với vốn góp là 20.400.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 51% (năm 2010: 20.400.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 51%) quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới
 Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
 CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	27.960.745.383	15.988.079.652
Tăng trong kỳ/năm	2.161.822.767	24.232.587.135
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(7.507.257.984)	(11.581.043.342)
Giảm khác trong kỳ/năm	(4.905.909.074)	(678.878.062)
Tại ngày 30 tháng 6/ ngày 31 tháng 12	<u>17.709.401.092</u>	<u>27.960.745.383</u>

14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm/kỳ

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VNĐ</u>
Tại ngày 1/1/2010	-
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	673.383.344
Tại ngày 31/12/2010	<u>673.383.344</u>
Ghi giảm vào lợi nhuận trong kỳ	(920.366.283)
Tại ngày 30/6/2011	<u>(246.982.939)</u>

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2011 <u>VNĐ</u>	31/12/2010 <u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	1.064.178.226.609	775.524.576.754
Vay dài hạn đến hạn trả	44.112.740.548	42.538.682.389
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	5.481.808.514	6.982.284.334
	<u>1.113.772.775.671</u>	<u>825.045.543.477</u>

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản tín dụng ngắn hạn bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất vay được các ngân hàng công bố theo từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu hồi nợ của các bộ chứng từ xuất khẩu, tài sản cố định, quyền sử dụng đất của Công ty và các tài sản cá nhân của ông Lưu Bách Thảo - Chủ tịch của Công ty.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011 <u>VNĐ</u>	31/12/2010 <u>VNĐ</u>
Thuế xuất nhập khẩu	69.540.452	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.255.890.033	14.196.369.767
Các loại thuế khác	23.626.284	218.638.965
	<u>15.349.056.769</u>	<u>14.415.008.732</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới
 Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
 CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn	136.585.994.595	147.853.127.951
Nợ thuê tài chính dài hạn	9.146.035.606	12.595.377.816
	145.732.030.201	160.448.505.767
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(44.112.740.548)	(42.538.682.389)
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	(5.481.808.514)	(6.982.284.334)
	96.137.481.139	110.927.539.044

Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị. Các khoản vay bao gồm như sau:

Vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") gồm hai khoản vay có tổng hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng và 34.000.000.000 đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng từ 0,95% đến 1% và được đảm bảo bằng chính nhà xưởng và máy móc hình thành từ các khoản vay này. Các khoản vay này được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 6 năm 2011 cho khoản vay có hạn mức là 15.000.000.000 đồng và từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 6 năm 2014 cho khoản vay còn lại.

Vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank") có hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng cho việc mua xe tải đông lạnh vận chuyển hàng hóa. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng 1,5% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả 6 tháng một lần bắt đầu từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, Công ty còn vay từ ông Trần Thanh Nguyên, một bên thứ ba, với số tiền 3.000.000.000 đồng với lãi suất lãi tiền vay một năm là 16,8%. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này không có bảo đảm và được hoàn trả trong vòng 2 năm kể từ ngày vay đầu tiên 1 tháng 10 năm 2011.

Công ty con đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ cho việc xây dựng kho lạnh và mua máy móc thiết bị. Các khoản vay bao gồm như sau:

Vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam có hạn mức tín dụng là 890.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 9,5% và được đảm bảo bằng chính kho lạnh và máy móc hình thành từ các khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả sáu tháng một lần và bắt đầu từ tháng 2 năm 2010 đến tháng 8 năm 2013.

Vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam có hạn mức tín dụng là 85.000.000.000 đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một năm là 11,4% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả hàng tháng và bắt đầu từ tháng 11 năm 2009 đến tháng 12 năm 2014.

Vay dài hạn với Ngân hàng Liên doanh Shinhanvina có hạn mức tín dụng là 3.000.000 Đô la Mỹ cho việc thanh toán tiền mua sắm máy móc, thiết bị cho dự án kho lạnh. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay là lãi suất LIBOR 6 tháng cộng 3% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả hàng quý và bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 10 năm 2014.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	44.112.740.548	42.538.682.389
Trong năm thứ hai	47.112.744.748	45.136.833.456
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	45.360.509.299	60.177.612.106
	136.585.994.595	147.853.127.951
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(44.112.740.548)	(42.538.682.389)
Số phải trả sau 12 tháng	92.473.254.047	105.314.445.562

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới
 Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
 CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty cũng đã ký hợp đồng thuê tài chính dài hạn với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê một số phương tiện vận tải. Thời hạn thuê của các hợp đồng thông thường là sáu mươi (60) tháng. Các khoản thuê này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 0,37%. Tiền nợ được thanh toán cố định và không có thỏa thuận nào cho các chi phí thuê tiềm tàng khác. Các khoản nợ thuê tài chính bằng Đồng Việt Nam. Tài sản thuê tài chính được Công ty dùng để đảm bảo cho khoản nợ vay.

Công ty con đã ký hợp đồng thuê tài chính dài hạn với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê một số phương tiện vận tải. Thời hạn thuê là bốn mươi lăm (45) tháng. Khoản thuê này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng lãi suất cơ bản bằng Đồng Việt nam do Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố cộng 0,3%. Tiền nợ được thanh toán cố định và không có thỏa thuận nào cho các chi phí thuê tiềm tàng khác. Các khoản nợ thuê tài chính bằng Đồng Việt Nam. Tài sản thuê tài chính được Công ty con Anpha dùng để đảm bảo cho khoản nợ vay.

Các khoản nợ dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê		Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê hiện tại	
	30/6/2011	31/12/2010	30/6/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	5.481.808.514	6.896.841.278	5.481.808.514	6.982.284.334
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.664.227.092	6.653.686.882	3.664.227.092	5.613.093.482
	9.146.035.606	13.550.528.160	9.146.035.606	12.595.377.816
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(1.489.242.590)	(955.150.344)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	7.656.793.016	12.595.377.816	9.146.035.606	12.595.377.816
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)			(5.481.808.514)	(6.982.284.334)
Số phải trả sau 12 tháng			3.664.227.092	5.613.093.482

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phần được phép phát hành	22.500.000	22.500.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	22.500.000	22.500.000
Mệnh giá cổ phần (VNĐ)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông có tỷ lệ sở hữu lớn hơn 5% tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 31/12/2010 và 30/6/2011		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2010 và 30/6/2011
	Cổ phiếu	%	VNĐ
Ông Lưu Bách Thảo	3.000.000	13,33	30.000.000.000
Ông Daniel Yet	2.400.000	10,67	24.000.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.879.970	8,36	18.799.700.000
	7.279.970	32,36	72.799.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2010	100.000.000.000	12.500.038.413	381.298.636	65.385.002.448	178.266.339.497
Vốn góp	95.000.000.000	(12.500.038.413)	-	(82.499.961.587)	-
Vốn góp bằng tiền	30.000.000.000	75.000.000.000	-	-	105.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	80.969.904.726	80.969.904.726
Cổ tức đã chia	-	-	-	(7.435.040.861)	(7.435.040.861)
Số dư tại ngày 31/12/2010	225.000.000.000	75.000.000.000	381.298.636	56.419.904.726	356.801.203.362
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	20.368.977.398	20.368.977.398
Chia cổ tức	-	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
Phân phối quỹ trong kỳ	-	-	4.047.734.834	(8.905.016.634)	(4.857.281.800)
Số dư tại ngày 30/6/2011	225.000.000.000	75.000.000.000	4.429.033.470	45.383.865.490	349.812.898.960

Căn cứ Nghị quyết số 05/2011/ĐHĐCĐ-VA ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông, cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

- Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế
- Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: 1% lợi nhuận sau thuế
- Chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 22.500.000.000 đồng (tương đương 10% Vốn điều lệ)

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận theo nội dung đã nêu trên.

Cũng theo Nghị quyết trên, cổ đông Công ty đã phê duyệt kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2011 thêm 75.000.000.000 đồng từ khoản thặng dư vốn cổ phần bằng việc phát hành thêm 7.500.000 cổ phần phổ thông mệnh giá 10.000/1 cổ phần theo tỷ lệ là 3:1 cho các cổ đông hiện hữu. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc tăng vốn chưa được thực hiện.

19. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty con Anpha-AG VND
Tại ngày 30/6/2011	
Vốn điều lệ công ty con	40.000.000.000
Trong đó:	
Vốn phân bổ cho Công ty	20.400.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	19.600.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	49%

Lợi ích của cổ đông thiểu số:

	Công ty con Anpha-AG VND
Tại ngày 30/6/2011	
Vốn của cổ đông thiểu số	15.680.000.000
Lỗ lũy kế	(10.195.844.968)
	5.484.155.032

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ:

	Công ty con Anpha-AG VND
Lỗ trong kỳ	(20.772.852.824)
Lỗ phân bổ cho cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	(10.180.636.911)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	12.205.241.930	634.688.751
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.820.285.627	10.239.793.247
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.281.438.735	10.494.174.416
Lãi chuyển nhượng vốn đầu tư	-	11.864.457.000
Khác	-	196.200.000
	34.306.966.292	33.429.313.414

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	39.905.009.138	19.406.193.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.512.570.647	37.038.938.237
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	576.000.000
	74.417.579.785	57.021.131.342

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	40.753.800
Bán bao bì và dụng cụ	-	7.045.429.091
Khác	1.362.564.265	2.220.000
Thu nhập khác	1.362.564.265	7.088.402.891
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	(40.753.800)
Giá vốn bao bì và dụng cụ	-	(7.017.829.194)
Các khoản chi phí khác	(201.979.303)	(239.882)
Chi phí khác	(201.979.303)	(7.058.822.876)
Lợi nhuận khác	1.160.584.962	29.580.015

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới
 Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
 CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	12.471.427.652	54.292.516.922
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.469.829.388	-
Cộng:	3.625.610.565	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	(6.555.026.346)	-
Lỗ từ công ty con	10.180.636.911	-
Thu nhập chịu thuế	13.627.208.829	54.292.516.922
Trong đó: Thu nhập chịu thuế của hoạt động chính	17.499.692.996	54.292.516.922
Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	(3.872.484.167)	-
Thuế suất áp dụng cho hoạt động chính	10%	10%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.362.720.882	5.429.251.692
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(1.825.420.403)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.362.720.882	3.603.831.289

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ ngày đăng ký kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2006 và 2007 là hai năm được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp) và được giảm 50% cho 5 năm tiếp theo (bắt đầu từ năm 2008). Ngoài ra, Công ty còn được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần lợi nhuận tăng thêm do doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty con có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 20.807.846.873 đồng có thể dùng để bù trừ lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do không chắc chắn về các khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi ích từ các khoản chuyển lỗ của Công ty con sẽ hết hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Lỗ tính thuế <u>VNĐ</u>
2015	34.994.049
2016	20.772.852.824
	20.807.846.873

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trên cơ sở các số liệu sau.

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận sau thuế	20.368.977.398	50.688.685.633
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.368.977.398	50.688.685.633
Số cổ phần bình quân lưu hành trong giai đoạn	22.500.000	14.027.778
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	905	3.613

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN VÀ CÔNG TY CON

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới
 Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
 CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	46.801.584	46.801.584
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	187.206.336	140.404.752
Sau năm năm	2.067.069.960	1.973.466.792
	<u>2.301.077.880</u>	<u>2.160.673.128</u>

Thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang trong 50 năm tính từ tháng 3 năm 2005. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 6 năm kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2005.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong giai đoạn như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (chưa soát xét)
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lương và thưởng	<u>792.000.000</u>	<u>762.000.000</u>

27. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 16 tháng 9 năm 2011.



Trần Lê Đức Thịnh
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 16 tháng 9 năm 2011

Ngô Văn Thu
 Kế toán trưởng